TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: 60/2017/HNGĐ-ST Ngày: 29/9/2017. "V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phước.

2. Bà Võ Ngọc Các.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 146/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Mã Bích T**, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: đường T, khóm A, phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông **Đồng Quốc V**, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường C, khóm V, phường N, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng. Tạm trú: đường C, khóm V, phường N, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/6/2017 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Mã Bích T trình bày:

Bà và ông Đồng Quốc V tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông, bà chung sống hạnh phúc và có một người con chung là cháu Mã Quốc H (nam, sinh ngày 10/6/2016), hiện cháu H đang sống chung với bà T tại đường T, khóm A, phường B,

thành phố P, tỉnh Sóc Trăng. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà và ông V thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tài chính, mâu thuẫn trong xử sự giữa bà gia đình ông V. Ngoài ra, do cha, mẹ ông V có mượn của bà 08 chỉ vàng 24K, ông V có mượn của bà T một chiếc bông tai hột xoàn để đeo, rồi sau đó ông V đã bán với giá 5.800.000 đồng nhưng đến nay chưa trả cho bà T. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Đồng Quốc V là vợ chồng.

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mã Quốc H (nam, sinh ngày 10/6/2016), đến khi cháu H đủ 18 tuổi không yêu cầu ông Đồng Quốc V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết phần 08 chỉ vàng 24K bà đã cho cha mẹ ruột ông V mượn và một chiếc bông tai hột xoàn ông V mượn của bà.

- Bị đơn ông Đồng Quốc V từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

- Ý kiến của kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 68; 70; 71; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Riêng bị đơn ông Đồng Quốc V không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Đồng Quốc V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Đồng Quốc V.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Mã Bích T, về hôn nhân: bà Mã Bích T và ông Đồng Quốc V sống chung như vợ chồng vào năm 2016, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông, bà chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều điểm bất đồng, bà T, ông V thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn về tài chính, mâu thuẫn trong xử sự giữa bà T và gia đình ông V. Tại phiên tòa bà T xác định không còn tình cảm với ông V, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông V là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy bà T và ông V chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2016, hai bên có đủ điều kiện kết hôn mà không đăng ký kết hôn cho nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông V không được pháp luật công nhận. Căn cứ Khoản 1 Điều 9 và Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố bà Mã Bích T và ông Đồng Quốc V không phải là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mã Quốc H (nam, sinh ngày 10/06/2016), đến khi cháu H đủ 18 tuổi không yêu cầu ông Đồng Quốc V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Mã Quốc H hiện dưới 36 tháng tuổi và đang sống chung với bà T. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình "con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con" nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu ông V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ông Đồng Quốc V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Bà T và ông V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Như đã phân tích nêu trên lời đề nghị của kiểm sát viên về nội dung là có cơ sở chấp nhận.

[9] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Mã Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định tại Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ: Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố bà Mã Bích T và ông Đồng Quốc V không phải là vợ chồng.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung tên Mã Quốc H, (nam, sinh ngày 10/6/2016), hiện cháu H đang sống chung với bà T tại đường T, khóm A, phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng cho bà Mã Bích T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

2.2. Ông Đồng Quốc V không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đồng Quốc V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Mã Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định tại Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án, nhưng được khấu trừ vào số tiền ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0007213 ngày 14/6/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, bà Mã Bích T đã nộp xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Đồng Quốc V không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDTP P;
- Chi cục THADSTP P;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Thị Bích Tuyền